

Số: /2023/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 340/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Đề án “Xã hội hóa về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025”;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số/TTr-BQLKKT ngày tháng năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- TV UBND tỉnh;
- Như Điều 3 của Quyết Định;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, P.KT, P.NC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

DỰ THẢO**QUY ĐỊNH**

Về một số chính sách khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung
(Kèm theo Quyết định số/2023/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 51 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến việc thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thuộc dự án, ngành, nghề ưu đãi đầu tư được quy định tại Phụ lục XXX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gồm: Hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình bảo vệ môi trường khác.

2. Chủ dự án đầu tư là chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

3. Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung gồm: Khu công nghiệp, khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp).

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi

1. Nhà nước thực hiện ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn; miễn, giảm thuế, phí đối với hoạt động bảo vệ môi trường; trợ giá, trợ cước vận chuyên đối với sản phẩm thân thiện môi trường và các ưu đãi, hỗ trợ khác đối với hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tương ứng đối với các hoạt động đó.

3. Trường hợp hoạt động bảo vệ môi trường cùng được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo văn bản có quy định mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn.

4. Mức độ và phạm vi ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường được điều chỉnh bảo đảm phù hợp với chính sách về bảo vệ môi trường từng thời kỳ.

Chương II

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA

Điều 5. Hỗ trợ về đất đai

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 và khoản 3 Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được hưởng hỗ trợ về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng như sau:

a) Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất gắn với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, năng lượng) sẵn có ngoài phạm vi dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

b) Trường hợp nhà nước không bố trí được quỹ đất gắn với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật sẵn có ngoài phạm vi dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, chủ đầu tư dự án được hưởng chính sách như hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Chủ dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được hưởng ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai như các đối tượng thuộc dự án, ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

3. Chủ dự án đầu tư thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất được quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2, điểm d khoản 3

Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được hưởng ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai như các đối tượng thuộc dự án, ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

Trường hợp chủ đầu tư dự án đã ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ được khấu trừ theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 6. Ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư

1. Ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh:

a) Chủ đầu tư dự án thực hiện hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP nếu áp dụng công nghệ xử lý chất thải có tỷ lệ chất thải phải chôn lấp sau xử lý dưới 30% tính trên tổng lượng chất thải rắn thu gom thì được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay, tổng mức vay vốn không quá 80% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư từ nguồn chênh lệch thu chi hàng năm.

b) Chủ đầu tư dự án thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 55 Luật Bảo vệ môi trường và Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP mà không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay, tổng mức vay vốn không quá 70% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư từ nguồn chênh lệch thu chi hàng năm.

2. Ưu đãi vay vốn tín dụng đầu tư

a) Mức vốn cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước tối đa đối với mỗi dự án bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của một dự án (không bao gồm vốn lưu động).

b) Thời hạn cho vay xác định theo khả năng thu hồi vốn của dự án và khả năng trả nợ của khách hàng nhưng không quá 12 năm. Riêng các dự án đầu tư thuộc nhóm A, thời hạn cho vay vốn tối đa là 15 năm.

c) Lãi suất cho vay bằng mức lãi suất bình quân gia quyền của các mức lãi suất trúng thầu trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam được Chính phủ bảo lãnh kỳ hạn 05 năm trong thời gian 01 năm trước thời điểm công bố lãi suất theo quy định tại Nghị định này cộng (+) tỷ lệ chi phí quản lý hoạt động và dự phòng rủi ro của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Trên cơ sở quyết định tỷ lệ chi phí quản lý ổn định của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng phát triển Việt Nam xác định và công bố mức lãi suất cho vay tín dụng đầu tư.

3. Việc cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại các tổ chức cho vay theo quy định của pháp luật về bảo lãnh tín

dụng.

4. Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất trực tiếp cho chủ đầu tư sau khi tất toán các khoản tín dụng trung, dài hạn để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường theo Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và dự án được cấp tín dụng xanh tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài Việt Nam. Chủ đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng minh dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hiệu quả, chính xác về đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất.

Điều 7. Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi các chính sách thuế, phí, lệ phí khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang

1.1 Tổ chức hướng dẫn các Chủ đầu tư thực hiện quy định này; tiếp nhận và hỗ trợ Nhà đầu tư lập thủ tục đầu tư vào khu công nghiệp, tổ chức thẩm định các dự án đầu tư và cấp chủ trương đầu tư theo quy định.

1.2. Phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan để hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện thủ tục để được hưởng các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo quy định.

1.3. Xây dựng kế hoạch kinh phí có liên quan đến việc lập phương án bồi thường và kinh phí chuẩn bị đầu tư, hỗ trợ đầu tư phục vụ cho việc hỗ trợ các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang và các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với nhà đầu tư thực hiện xã hội hóa về việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả và đề xuất xử lý trường hợp vi phạm pháp luật của nhà đầu tư thực hiện xã hội hóa.

3. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện và triển khai đến tổ chức, cá nhân có liên quan các nội dung tại Quy định này.

4. Chủ đầu tư

4.1. Chủ đầu tư có nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, về đầu tư và các quy định pháp luật liên quan khác của Nhà nước; triển khai dự án đầu tư đúng quy hoạch, tiến độ, thời gian theo quy định của pháp luật.

4.2. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4.3. Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của khu công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác liên quan đến việc thực hiện dự án xã hội hóa không được đề cập trong quy định tại Quyết định này (bao gồm các ưu đãi đầu tư khác) thì thực hiện theo quy định các văn bản pháp luật có liên quan khác.

2. Các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.